

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN, NÂNG BẬC TRƯỚC THỜI HẠN, PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG
TÍNH ĐẾN 30 THÁNG 12 NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số: 73/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc lương						Kết quả nâng bậc lương tính đến 31/12/2017						Ghi chú
		Nữ	Nam	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (Mã số)	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp thâm niên vượt khung trong năm (đồng) (bao gồm phụ cấp ưu đãi nghề và thâm niên nhà giáo)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I. CÁN BỘ, VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN																
1	Trần Đào Minh Ngọc	21/11/1982		BSCKI	V.07.01.03	3	3,00	0	09/2014	V.07.01.03	4	3,33	0	09/2017	2.402.400	
2	Nguyễn Ngọc Hương		29/10/1972	Đại học	V.08.05.12	5	3,66	0	04/2014	V.08.05.12	6	3,99	0	10/2017	1.801.800	Ko HTNV NH 14-15
3	Nguyễn Thị Mỹ Lâm	28/01/1980		Trung học	V.08.05.13	5	2,66	0	10/2015	V.08.05.13	6	2,86	0	10/2017	1.092.000	
4	Lương Văn Hoạt		16/09/1986	Trung học	V.08.05.13	4	2,46	0	08/2015	V.08.05.13	5	2,66	0	08/2017	1.820.000	
5	Nguyễn Thị Thu Thảo	06/07/1991		Trung học	V.08.05.13	2	2,06	0	10/2015	V.08.05.13	3	2,26	0	10/2017	1.092.000	
6	Phạm Thị Thu Hiền	16/02/1984		Sơ cấp	16,122	5	2,37	0	10/2015	16,122	6	2,55	0	10/2017	982.800	
7	Nguyễn Kim Oanh	15/03/1985		Trung học	V.08.08.23	3	2,26	0	11/2015	V.08.08.23	4	2,46	0	11/2017	728.000	
8	Ngô Thị Kim Chi	01/08/1984		Kỹ sư	01.003	3	3,00	0	11/2014	01.003	4	3,33	0	11/2017	1.046.760	
9	Nguyễn Thị Diệu	21/08/1978		Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3,33	0	09/2014	V.07.01.03	5	3,66	0	09/2017	2.591.160	
10	Lưu Thị Dung	27/08/1981		Cử nhân	01.003	3	3,00	0	12/2014	01.003	4	3,33	0	12/2017	523.380	
11	Nguyễn Thị Thu	04/09/1967		Thạc sỹ	V.07.01.02	4	5,42	0	12/2014	V.07.01.02	5	5,76	0	12/2017	733.720	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
12	Lê Văn Cơ		21/02/1981	Tiến sỹ	V.07.01.03	5	3,66	0	10/2014	V.07.01.03	6	3,99	0	10/2017	1.969.110	
13	Nguyễn Phương Đại Nguyên		20/06/1979	Tiến sỹ	V.07.01.03	5	3,66	0	10/2014	V.07.01.03	6	3,99	0	10/2017	1.969.110	
14	Đinh Thị Xuân Thảo	03/10/1983		Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3,33	0	10/2014	V.07.01.03	5	3,66	0	10/2017	1.943.370	
15	Hoàng Thị Thu	02/09/1983		Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3,00	0	10/2012	V.07.01.03	4	3,33	0	10/2017	1.917.630	Nghỉ ko lương
16	Nguyễn Văn Bốn		15/10/1984	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3,00	0	12/2014	V.07.01.03	4	3,33	0	12/2017	626.340	
17	Phạm Thị Huyền Thoa	25/04/1991		Đại học	V.07.01.03	1	2,34	0	12/2014	V.07.01.03	2	2,67	0	12/2017	600.600	
18	Nguyễn Đăng Thanh Nhân	02/09/1991		Đại học	V.07.01.03	1	2,34	0	12/2014	V.07.01.03	2	2,67	0	12/2017	429.000	
19	Trần Xuân Thắng		21/11/1991	Đại học	V.07.01.03	1	2,34	0	12/2014	V.07.01.03	2	2,67	0	12/2017	536.250	
20	Bùi Xuân Hậu		21/01/1990	Thạc sỹ	V.07.01.03	1	2,34	0	12/2014	V.07.01.03	2	2,67	0	12/2017	536.250	
21	Đỗ Thị Nga	19/02/1977		Tiến sỹ	V.07.01.03	6	3,99	0	10/2014	V.07.01.03	7	4,32	0	10/2017	1.814.670	
22	Lê Thế Phiệt		20/10/1978	Tiến sỹ	V.07.01.03	5	3,66	0	07/2014	V.07.01.03	6	3,99	0	07/2017	3.552.120	
23	Trần Thị Lan	02/08/1982		Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3,00	0	09/2014	V.07.01.03	4	3,33	0	09/2017	2.282.280	
24	Ao Xuân Hòa		28/02/1983	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3,00	0	09/2014	V.07.01.03	4	3,33	0	09/2017	1.853.280	
25	Phan Thị Như Ý	08/02/1967		Kỹ sư	01.003	5	3,66	0	10/2014	01.003	6	3,99	0	10/2017	1.570.140	
26	Ngô Văn Thông		10/04/1961	Thạc sỹ	V.07.01.02	5	5,76	0	12/2014	V.07.01.02	6	6,10	0	12/2017	760.240	
27	Nguyễn Văn Thịnh		01/11/1958	Thạc sỹ	V.07.01.02	4	5,42	0	12/2014	V.07.01.02	5	5,76	0	12/2017	738.140	
28	Hoàng Khánh Bảo		20/10/1978	Thạc sỹ	V.07.01.03	5	3,66	0	10/2014	V.07.01.03	6	3,99	0	10/2017	1.441.440	
29	Phan Văn Tân		12/10/1956	Tiến sỹ	V.07.01.02	7	6,44	0	12/2014	V.07.01.02	8	6,78	0	12/2017	711.620	
30	Trần Ngọc Duyên		20/01/1963	Tiến sỹ	V.07.01.02	5	5,76	0	10/2014	V.07.01.02	6	6,10	0	10/2017	2.068.560	
31	Võ Hùng		14/10/1963	Tiến sỹ	V.07.01.02	5	5,76	0	07/2014	V.07.01.02	6	6,10	0	07/2017	4.110.600	
32	Nguyễn Thanh Bình		12/11/1961	Thạc sỹ	V.07.01.02	4	5,42	0	12/2014	V.07.01.02	5	5,76	0	12/2017	663.000	
33	Lê Nguyễn Tiểu Ngọc	01/08/1984		Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3,00	0	09/2014	V.07.01.03	4	3,33	0	09/2017	1.801.800	
34	Trần Thị Thanh Bình	16/09/1984		Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3,00	0	09/2014	V.07.01.03	4	3,33	0	09/2017	1.716.000	
35	Phạm Đoàn Phú Quốc		20/06/1984	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3,00	0	09/2014	V.07.01.03	4	3,33	0	09/2017	2.282.280	
36	Trần Thị Phụng	15/11/1982		Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3,00	0	11/2014	V.07.01.03	4	3,33	0	11/2017	1.141.140	
37	Nguyễn Hải Đăng		19/01/1987	Thạc sỹ	V.07.01.03	2	2,67	0	10/2014	V.07.01.03	3	3,00	0	10/2017	1.673.100	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
38	Trần Tấn Hải		15/01/1976	Thạc sỹ	V.07.01.03	6	3,99	0	10/2014	V.07.01.03	7	4,32	0	10/2017	2.033.460	
39	Lê Tử Trường		16/09/1967	Tiến sỹ	V.07.01.03	6	3,99	0	10/2013	V.07.01.03	7	4,32	0	07/2017	4.041.180	KL Đảng 2016 Ko HTNV NH 15-16
40	Trần Thị Thu	04/01/1980		Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3,33	0	07/2014	V.07.01.03	5	3,66	0	07/2017	3.938.220	
41	Bùi Thị Thủy	24/02/1985		Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3,00	0	09/2014	V.07.01.03	4	3,33	0	09/2017	2.556.840	
42	Nguyễn Đăng Đức		12/02/1963	Tiến sỹ	V.07.01.02	5	5,76	0	07/2014	V.07.01.02	6	6,10	0	07/2017	4.031.040	
43	Võ Văn Toàn		20/01/1962	Thạc sỹ	V.07.01.02	5	5,76	0	07/2014	V.07.01.02	6	6,10	0	07/2017	4.084.080	
44	Trần Tuấn Bạch Vân		13/04/1959	Thạc sỹ	V.07.01.02	5	5,76	0	10/2014	V.07.01.02	6	6,10	0	10/2017	2.095.080	
45	Nguyễn Thị Thu Hương	06/03/1969		Thạc sỹ	V.07.01.03	7	4,32	0	07/2014	V.07.01.03	8	4,65	0	07/2017	3.732.300	
46	Nguyễn Mạnh Tuyền		25/04/1968	Thạc sỹ	V.07.01.03	7	4,32	0	12/2014	V.07.01.03	8	4,65	0	12/2017	587.730	
47	Huỳnh Thị Hồng Hằng	15/01/1973		Thạc sỹ	V.07.01.03	6	3,99	0	10/2014	V.07.01.03	7	4,32	0	10/2017	1.827.540	
48	Ngô Thị Ngọc Yến	22/11/1984		Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3,00	0	11/2014	V.07.01.03	4	3,33	0	11/2017	1.123.980	
49	Nguyễn Thị Bích Nguyên	10/05/1986		Thạc sỹ	V.07.01.03	2	2,67	0	10/2014	V.07.01.03	3	3,00	0	10/2017	1.673.100	
50	Tổng Phương Hoa	18/10/1986		Đại học	V.07.01.03	2	2,67	0	10/2014	V.07.01.03	3	3,00	0	10/2017	1.673.100	
51	Nguyễn Hạnh My	11/07/1986		Đại học	V.07.01.03	2	2,67	0	10/2014	V.07.01.03	3	3,00	0	10/2017	1.673.100	
52	Mai Đức Trọng		11/02/1986	Đại học	V.07.01.03	2	2,67	0	10/2014	V.07.01.03	3	3,00	0	10/2017	1.673.100	
53	Nguyễn Văn Huy		18/01/1988	Đại học	V.07.01.03	1	2,34	0	04/2014	V.07.01.03	2	2,67	0	04/2017	4.714.875	
54	Lê Ngọc Đan Châu	20/08/1988		Đại học	V.07.01.03	1	2,34	0	08/2014	V.07.01.03	2	2,67	0	08/2017	2.681.250	
55	Tào Thị Hoa	23/08/1989		Đại học	V.07.01.03	1	2,34	0	12/2014	V.07.01.03	2	2,67	0	12/2017	536.250	
56	Nguyễn Thị Pháp	04/08/1988		Đại học	V.07.01.03	1	2,34	0	12/2014	V.07.01.03	2	2,67	0	12/2017	536.250	
57	Lê Thị Lệ Thủy	24/01/1987		Đại học	V.07.01.03	1	2,34	0	12/2014	V.07.01.03	2	2,67	0	12/2017	536.250	
58	Võ Thị Sương	02/11/1990		Đại học	V.07.01.03	1	2,34	0	12/2014	V.07.01.03	2	2,67	0	12/2017	536.250	
59	Hoàng Thị Ngọc Diệp	26/11/1988		Đại học	V.07.01.03	1	2,34	0	12/2014	V.07.01.03	2	2,67	0	12/2017	536.250	
60	Lê Hồng Thủy		03/09/1989	Đại học	V.07.01.03	1	2,34	0	12/2014	V.07.01.03	2	2,67	0	12/2017	536.250	
61	Phan Thị Xuân An	06/03/1974		Cử nhân	V.08.07.18	5	3,66	0	09/2014	V.08.07.18	6	3,99	0	09/2017	2.488.200	
62	Tạ Văn Quyết		19/11/1984	C. nhân KT - NV	V.08.07.19	4	2,46	0	12/2015	V.08.07.19	5	2,66	0	12/2017	345.800	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
63	Trần Công Loan		17/01/1990	Trung học	V.08.07.19	3	2,26	0	11/2015	V.08.07.19	4	2,46	0	11/2017	681.200	
64	Trương Quỳnh Như	26/05/1979		Thạc sỹ	01.003	5	3,66	0	08/2014	01.003	6	3,99	0	08/2017	2.616.900	
65	Mai Thị Hiên	08/08/1980		Thạc sỹ	01.003	2	2,67	0	07/2014	01.003	3	3,00	0	07/2017	3.140.280	
66	Nguyễn Thị Vân Linh	06/10/1983		Thạc sỹ	01.003	3	3,00	0	10/2014	01.003	4	3,33	0	10/2017	1.570.140	
67	Trịnh Văn Xuân		01/06/1974	Chưa qua ĐT	01.011	1	2,05	0	07/2015	01.011	2	2,23	0	07/2017	1.404.000	
68	Vũ Hữu Tiến		06/09/1959	Chưa qua ĐT	01.011	10	3,12	0	10/2015	01.011	11	3,30	0	10/2017	856.440	
69	Hán Thị Thùy Trinh	13/06/1990		Đại học	06.031	1	2,34	0	12/2014	06.031	2	2,67	0	12/2017	523.380	
70	Văn Tiến Dũng		16/01/1963	Tiến sỹ	V.07.01.02	5	5,76	0	07/2014	V.07.01.02	6	6,10	0	07/2017	4.084.080	
71	Đặng Thị Huyền	08/09/1980		Chưa qua ĐT	01.009	4	1,54	0	12/2015	01.009	5	1,72	0	12/2017	234.000	
72	Phan Thị Thắm	06/06/1971		Chưa qua ĐT	01.009	4	1,54	0	12/2015	01.009	5	1,72	0	12/2017	285.480	
73	Võ Hồng Sinh		10/12/1961	Tiến sỹ	V.07.01.02	5	5,76	0	07/2014	V.07.01.02	6	6,10	0	07/2017	4.110.600	
74	Đặng Thị Tuyết Lan	07/11/1978		Cử nhân	01.003	5	3,66	0	12/2014	01.003	6	3,99	0	12/2017	523.380	
75	Phạm Thị Miện	24/11/1972		Chưa qua ĐT	01.009	5	1,72	0	12/2015	01.009	6	1,90	0	12/2017	234.000	
76	Hà Ngọc Hồi		02/06/1979	Đại học	V.10.02.06	5	3,66	0	10/2014	V.10.02.06	6	3,99	0	10/2017	1.570.140	
77	Vũ Thị Giang	10/01/1977		Thạc sỹ	V.10.02.06	5	3,66	0	09/2014	V.10.02.06	6	3,99	0	09/2017	2.093.520	
78	Võ Huyền Trang	11/09/1991		Trung học	V.10.02.07	1	1,86	0	07/2015	V.10.02.07	2	2,06	0	07/2017	1.560.000	
79	Nguyễn Thị Danh	20/04/1977		Đại học	V.07.05.15	5	3,66	0	10/2014	V.07.05.15	6	3,99	0	10/2017	1.930.500	
80	Vũ Thị Phương Dung	02/04/1985		Cử nhân	V.07.05.15	3	3,00	0	09/2014	V.07.05.15	4	3,33	0	09/2017	2.453.880	
81	Trần Thị Hồng Nhung	31/08/1983		Đại học	V.07.05.15	3	3,00	0	09/2014	V.07.05.15	4	3,33	0	09/2017	2.471.040	
82	Hồ Thị Phụng	18/10/1980		Thạc sỹ	V.07.01.03	5	3,66	0	10/2014	V.07.01.03	6	3,99	0	10/2017	1.776.060	
83	Nguyễn Thị Nho	20/12/1967		Chưa qua ĐT	01.009	5	1,72	0	07/2015	01.009	6	1,90	0	07/2017	1.404.000	
84	Phạm Văn Thuận		05/02/1978	Thạc sỹ	V.07.01.03	5	3,66	0	07/2014	V.07.01.03	6	3,99	0	07/2017	3.140.280	

II. CÁN BỘ, VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

85	Nguyễn Thị Huyền Diệu	18/06/1980		Cử nhân	01.003	5	3,66	0	10/2015	01.003	6	3,99	0	05/2018	0	
86	Tổng Thị Lan Chi	13/08/1979		Thạc sỹ	V.07.01.03	5	3,66	0	07/2015	V.07.01.03	6	3,99	0	01/2018	0	
87	Nguyễn Thị Nhâm Tý	22/01/1972		Cử nhân	06.031	5	3,66	0	05/2015	06.031	6	3,99	0	07/2017	3.140.280	
88	Kiều Mạnh Hùng		07/07/1980	Thạc sỹ	V.07.01.03	5	3,66	0	06/2015	V.07.01.03	6	3,99	0	12/2017	647.790	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
89	Nguyễn Trường Tam		17/10/1979	Thạc sỹ	01.003	3	3,00	0	07/2015	01.003	4	3,33	0	12/2017	523.380	
90	Đào Xuân Thu		06/12/1963	Tiến sỹ	V.07.01.02	6	6,10	0	11/2015	V.07.01.02	7	6,44	0	12/2017	654.160	
91	Nguyễn Hữu Duẩn		20/10/1982	Thạc sỹ	V.07.05.15	4	3,33	0	09/2015	V.07.05.15	5	3,66	0	12/2017	626.340	
92	Nguyễn Thị Thu Nguyên	26/08/1984		Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3,00	0	08/2015	V.07.01.03	4	3,33	0	12/2017	656.370	
93	Cao Thị Lý	10/01/1967		Tiến sỹ	V.07.01.02	4	5,42	0	12/2015	V.07.01.02	5	5,76	0	12/2017	667.420	
94	Đỗ Thị Kiều An	15/04/1978		Thạc sỹ	V.07.01.03	6	3,99	0	10/2015	V.07.01.03	7	4,32	0	12/2017	596.310	
95	Trần Đình Thế		23/03/1963	Thạc sỹ	V.07.01.02	5	5,76	0	12/2015	V.07.01.02	6	6,10	0	12/2017	680.680	
96	Nguyễn Thị Hải Yến	18/07/1979		Tiến sỹ	V.07.01.03	5	3,66	0	07/2015	V.07.01.03	6	3,99	0	12/2017	592.020	
97	Phan Tứ Quý		12/03/1982	Tiến sỹ	V.07.01.03	4	3,33	0	06/2015	V.07.01.03	5	3,66	0	12/2017	647.790	
98	Trần Thanh Tùng	15/05/1963		Tiến sỹ	V.07.01.02	5	5,76	0	12/2015	V.07.01.02	6	6,10	0	12/2017	751.400	

III. CÁN BỘ, VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẠC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ HƯU

99	Đinh Gia Ngân		20/01/1958	Thạc sỹ	V.07.01.03	5	5,76	0	12/2015	V.07.01.03	6	6,10	0	12/2017	983.320	hưu tháng 2/2018
100	Trần Thị Thanh	20/01/1963		Tiến sỹ	V.07.01.02	5	5,76	0	07/2014	V.07.01.02	6	6,10	0	02/2017	7.157.680	hưu tháng 2/2018
101	Hồ Thị Quỳnh	25/05/1963		Thạc sỹ	V.07.01.02	5	5,76	0	12/2014	V.07.01.02	6	6,10	0	06/2017	4.748.270	hưu tháng 6/2018
102	H'Wen Niê Kdăm	24/05/1963		Thạc sỹ	V.07.01.03	4	5,42	0	12/2015	V.07.01.03	5	5,76	0	12/2017	894.920	hưu tháng 6/2018
103	Võ Thị Phương Khanh	10/10/1963		Tiến sỹ	V.07.01.02	5	5,76	0	08/2014	V.07.01.02	6	6,10	0	12/2017	987.220	Nghỉ ko lương, hưu tháng 11/2018

IV. CÁN BỘ, VIÊN CHỨC ĐƯỢC TÍNH HƯỞNG THÊM PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG

104	Trần Đi		04/10/1958	Đại học	01.003	9	4,98	7	12/2016	01.003	9	4,98	8	12/2017	78.983	
105	Trương Tấn Khanh		22/12/1956	Tiến sỹ	V.07.01.02	8	6,78	6	12/2016	V.07.01.02	8	6,78	7	12/2017	142.787	
106	Ngô Đình Quốc		21/10/1958	Tiến sỹ	V.07.01.02	8	6,78	5	12/2016	V.07.01.02	8	6,78	6	12/2017	156.008	
107	Trần Quốc Hưng		24/10/1958	Thạc sỹ	V.07.01.03	9	4,98	8	10/2016	V.07.01.03	9	4,98	9	10/2017	308.810	
108	Nguyễn Văn Sỹ		28/12/1960	Thạc sỹ	V.07.01.03	9	4,98	10	10/2016	V.07.01.03	9	4,98	11	10/2017	304.925	
109	Đinh Thị Bằng	10/04/1963		Trung học	V.01.02.03	12	4,06	10	10/2016	V.01.02.03	12	4,06	11	10/2017	193.175	
110	Tuyết Hoa Niê Kdăm	05/09/1959		Tiến sỹ	V.07.01.02	8	6,78	6	12/2016	V.07.01.02	8	6,78	7	12/2017	134.854	
111	Võ Văn Ca		20/12/1965	Kỹ sư	V.05.02.07	9	4,98	8	10/2016	V.05.02.07	9	4,98	9	10/2017	242.775	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
112	Nguyễn Văn Thái		30/05/1958	Thạc sỹ	V.07.01.02	8	6,78	5	10/2016	V.07.01.02	8	6,78	6	10/2017	423.072	
113	Trần Văn Thủy		15/04/1954	Tiến sỹ	V.07.01.02	8	6,78	6	10/2016	V.07.01.02	8	6,78	7	10/2017	428.360	
114	Lê Đình Thân		20/01/1958	Đại học	V.07.01.03	9	4,98	9	12/2016	V.07.01.03	9	4,98	10	12/2017	113.295	
115	Hồ Sỹ Xô		24/05/1959	Đại học	V.07.01.03	9	4,98	14	10/2016	V.07.01.03	9	4,98	15	10/2017	332.116	
116	Lê Thị Thêu		03/03/1963	Bác sỹ CKC1	V.07.01.03	9	4,98	6	12/2016	V.07.01.03	9	4,98	7	12/2017	99.052	
117	Trần Ngọc Tuyển		10/10/1961	Đại học	V.07.01.03	9	4,98	8	12/2016	V.07.01.03	9	4,98	9	12/2017	100.347	
118	Nguyễn Hữu Thế		25/07/1959	Đại học	V.07.01.03	9	4,98	8	12/2016	V.07.01.03	9	4,98	9	12/2017	99.052	
119	Lê Thị Vân	07/07/1964		Trung học	V.08.03.07	12	4,06	10	10/2016	V.08.03.07	12	4,06	11	10/2017	247.010	
120	Nguyễn Thị Thu Hường	25/11/1966		Trung học	V.08.03.07	12	4,06	10	10/2016	V.08.03.07	12	4,06	11	10/2017	239.093	
121	Trần Thị Mai	03/02/1963		Đại học	V.08.07.18	9	4,98	5	10/2016	V.08.07.18	9	4,98	6	10/2017	304.925	
122	Huỳnh Thị Hương	02/01/1964		Đại học	V.08.07.18	9	4,98	5	10/2016	V.08.07.18	9	4,98	6	10/2017	304.925	
123	Lý Thị Nữ	19/10/1965		Trung học	V.08.07.19	12	4,06	5	10/2016	V.08.07.19	12	4,06	6	10/2017	231.176	
124	Phan Văn Khương		05/01/1964	Đại học	01.010	12	4,03	9	10/2016	01.010	12	4,03	10	10/2017	191.747	
125	Nguyễn Văn Thanh		15/10/1958	Lái xe	01.010	12	4,03	21	10/2016	01.010	12	4,03	22	10/2017	191.747	
126	Trần Văn Cao		17/08/1963	Chưa qua ĐT	01.011	12	3,48	7	10/2016	01.011	12	3,48	8	10/2017	165.578	
127	Võ Hữu Huyền		02/06/1960	Chưa qua ĐT	01.011	12	3,48	12	09/2016	01.011	12	3,48	13	09/2017	220.771	
128	Nguyễn Văn Bình		15/06/1962	Chưa qua ĐT	01.011	12	3,48	15	10/2016	01.011	12	3,48	16	10/2017	165.578	
129	Võ Văn Hào		20/10/1970	Trung học	01.007	12	3,63	9	10/2016	01.007	12	3,63	10	10/2017	172.715	
130	Vũ Thị Hoa	08/08/1967		Chưa qua ĐT	01.009	12	2,98	21	10/2016	01.009	12	2,98	22	10/2017	141.788	
131	Phạm Văn Doanh		20/04/1959	Đại học	V.07.01.03	9	4,98	8	10/2016	V.07.01.03	9	4,98	9	10/2017	337.943	
132	Phan Văn Phúc		27/07/1958	Đại học	V.07.01.03	9	4,98	13	10/2016	V.07.01.03	9	4,98	14	10/2017	273.850	
133	Trần Đình Tĩnh		12/05/1961	Trung học	01.004	12	4,06	17	10/2016	01.004	12	4,06	18	10/2017	193.175	

Danh sách gồm 133 người

HIỆU TRƯỞNG
đã ký

PGS-TS. Nguyễn Tấn Vui